TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thanh Châu Giang
2. Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị M, sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái
Hiện đang cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái - Tổ A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị M trình bầy: Tôi và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 19/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không tu chí làm ăn, nghiện chất ma túy, tôi đã khuyên bảo anh N nhiều lần là bỏ ma túy nhưng anh N không nghe. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên. Đến tháng 10/2023 anh N lại tái nghiện và hiện nay đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 15/10/2017. Cháu Đ ở cùng bố mẹ anh N từ nhỏ và hiện nay cháu Đ đang ở cùng gia đình anh N. Khi ly hôn tôi và anh N thỏa thuận anh N nuôi cháu Đ và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bầy: Tôi và chị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 19 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bản thân tôi sử dụng và nghiện chất ma túy. Tôi đã được gia đình và vợ khuyên bảo nhưng tôi không từ bỏ được ma túy, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Đến tháng 10/2023 tôi bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị M xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 15/10/2017. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng bố mẹ đẻ của tôi tại xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Khi ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lò Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 15/10/2017 cho anh N nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; Bị đơn có

đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 19 tháng 12 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh N đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 10/2022 sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị M và anh N đều cho là do anh N nghiện chất ma túy không bỏ được từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị M xin ly hôn. Anh N đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Căn cứ vào lời trình bầy của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị M xin ly hôn. Anh N đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị M được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 15/10/2017. Cháu Đ ở với gia đình anh N (bố mẹ đẻ anh N) từ nhỏ và hiện nay vẫn đang ở gia đình anh N. Khi ly hôn anh N nhận nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Chị M đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Đ được đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống đang ổn định của cháu. Do vậy cần giao cháu Đ cho anh N nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng nuôi con chung của anh N và chị M không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 15/10/2017.

Xử giao cháu Nguyễn Quốc Đ cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Lò Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lò Thị M phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0001056 ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị Lò Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã A.
- Lưu HS-TQĐ(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng